

**ĐẠI HỌC HUẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT**



HOÀNG QUANG BÌNH

**HỢP ĐỒNG THƯƠNG MẠI VÔ HIỆU DO GIẢ TẠO
QUA THỰC TIỄN XÉT XỬ Ở TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

Chuyên ngành: Luật Kinh tế

Mã số: 8380107

**TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC
THEO ĐỊNH HƯỚNG NGHIÊN CỨU**

THỪA THIÊN HUẾ, năm 2020

Công trình được hoàn thành tại:

Trường Đại học Luật, Đại học Huế

Người hướng dẫn khoa học: **PGS.TS. Nguyễn Duy Phương**

Phản biện 1: T.S Cao Đình Lành

Phản biện 2: PGS. TS Hà Thị Mai Hiền

Luận văn sẽ được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận văn thạc sĩ họp
tại: Trường Đại học Luật

Vào lúc 15 giờ 00 ngày 24 tháng 5 năm 2020

1. Tóm tắt kết quả nghiên cứu đã đạt được trong luận văn

Trong hệ thống pháp luật của bất cứ quốc gia nào chế định hợp đồng luôn được coi là một chế định pháp lý quan trọng. Pháp luật về hợp đồng là một trong những ngành luật quan trọng và cơ bản của Việt Nam được quy định ở nhiều văn bản khác nhau. Với việc ghi nhận nhiều nền tảng pháp lý quan trọng và cơ bản như Bộ luật Dân sự 2015, Luật Thương mại 2005, các văn bản pháp luật chuyên ngành khác thể hiện tầm ảnh hưởng rất lớn của hợp đồng.

Vấn đề đặt ra hiện nay là tính pháp lý của hợp đồng trong lĩnh vực thương mại và hiệu lực của các hợp đồng này có được bảo đảm thi hành. Nhìn chung, bên cạnh số lượng lớn hợp đồng thương mại phù hợp với quy định pháp luật, có giá trị thi hành, thực trạng còn nhiều hợp đồng thương mại vô hiệu vẫn đang tồn tại, là một vấn đề bức xúc, tình trạng hợp đồng thương mại được giao kết giả tạo, lừa dối nhau, giả tạo, hình thức hợp đồng không tuân thủ theo quy định của pháp luật...xâm phạm đến quyền và lợi ích chính đáng của các bên chủ thể, gây thiệt hại nghiêm trọng đến lợi ích cá nhân, lợi ích xã hội. Song song với đó các quy định về hợp đồng thương mại còn bộc lộ nhiều vấn đề mang tính bất cập, các quy định có sự chồng chéo, trái ngược nhau, điều đó gây khó khăn cho việc nhận thức cũng như áp dụng các quy định về hợp đồng. Kết quả dẫn đến còn tồn tại rất nhiều hợp đồng vô thương mại hiệu trên thực tế, không đem lại mục đích các bên mong muốn, dẫn đến nhiều tranh chấp, khi giải quyết lại thiếu cơ sở pháp lý gây khó khăn cho cơ quan chức năng có thẩm quyền.

Thực tiễn cho thấy, hệ thống Tòa án đã và đang phải giải quyết những vụ án về hợp đồng thương mại vô hiệu do giả tạo. Do các quy định của pháp luật hiện hành về vấn đề này chủ yếu dừng lại ở nhiều cách hiểu khác nhau về giao dịch dân sự do giả tạo và việc giải quyết hậu quả pháp lý của giao dịch dân sự do giả tạo. Từ đó dẫn đến tình trạng giải quyết các vụ án tranh chấp về hợp đồng thương mại vô hiệu do giả tạo của tòa án các cấp chưa được thống nhất, còn nhiều vướng mắc cần được giải đáp sớm nhằm tạo niềm tin cho các chủ thể kinh doanh, đảm bảo nền kinh tế đất nước phát triển bền vững và ổn định.

Trên cơ sở nghiên cứu, luận văn đã làm rõ được cơ sở lý luận về khái niệm hợp đồng thương mại vô hiệu do giả tạo, đặc điểm, hậu quả pháp lý của hợp đồng thương mại vô hiệu do giả tạo; chỉ ra thực tiễn giải quyết, xét xử tại Tòa án nhân dân hai cấp tỉnh Thừa Thiên Huế và những nguyên nhân của những ưu điểm, những hạn chế, bất cập làm cơ sở cho việc đưa ra những đề xuất, kiến nghị nhằm hoàn thiện các quy định về hợp đồng thương mại vô hiệu do giả tạo và xét xử các vụ án tranh chấp hợp đồng thương mại vô hiệu do giả tạo. Đặc biệt, kết quả nghiên cứu của luận văn đã xây dựng được nội dung cụ thể các vấn đề cần phải điều chỉnh trong hoạt động xét xử, giải quyết các tranh chấp hợp đồng thương mại hiện nay và một số giải pháp khác phù hợp với thực tiễn thực hiện áp dụng pháp luật trong hoạt động xét xử tại Tòa án nhân dân. Cụ thể:

Chương 1 luận văn đã đi sâu nghiên cứu về khái niệm hợp đồng thương mại, điều kiện vô hiệu của hợp đồng thương mại để từ đó đưa ra được khái niệm hợp đồng thương mại, từ các nhận định đưa ra trong luận văn, khái niệm Hợp đồng thương mại vô hiệu có thể hiểu là: *Hợp đồng được ký kết và thực hiện trái với ý chí của các bên hoặc trái với điều kiện có hiệu lực của pháp luật, không được pháp luật thừa nhận và không có hiệu lực làm phát sinh thay đổi, chấm dứt quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia giao kết kể từ thời điểm xác lập hợp đồng.* Khi đã có khái niệm về hợp đồng thương mại vô hiệu, tác giả tiếp tục phân tích khái niệm hợp đồng thương mại vô hiệu do giả tạo, đưa ra được khái niệm về hợp đồng thương mại vô hiệu do giả tạo là: *“Hợp đồng thương mại vô hiệu do giả tạo là hợp đồng phát sinh trong hoạt động thương mại mà trong đó nội dung giao dịch được xác lập không xuất phát từ ý chí đích thực của các bên tham gia hợp đồng, không nhằm làm phát sinh hậu quả pháp lý theo quy định của pháp luật mà nhằm che giấu một giao dịch khác hoặc trốn tránh nghĩa vụ với bên thứ ba”.* Từ các khái niệm có được, luận văn tiếp tục nghiên cứu các đặc điểm của loại hợp đồng gồm các đặc điểm chung như: là hợp đồng vi phạm một trong những điều kiện có hiệu lực của hợp đồng dân sự được quy định tại phần về giao dịch dân sự vô hiệu – BLDS năm 2015; Các bên tham gia hợp đồng phải gánh chịu hậu quả pháp lý nhất định từ việc tuyên bố hợp đồng vô hiệu và các đặc điểm riêng về ý chí, mục đích các bên tham gia xác lập hợp đồng trên cơ sở không đích thực. Các bên tham gia giao kết hợp đồng có sự thông

đồng từ trước khi giao kết hợp đồng thương mại giả tạo và luôn có ít nhất hai giao dịch cùng tồn tại khi các chủ thể xác lập hợp đồng thương mại giả tạo.

Từ việc phân tích đặc điểm hợp đồng thương mại vô hiệu do giả tạo, tác giả đánh giá hậu quả pháp lý và ý nghĩa của việc phải quy định hợp đồng thương mại vô hiệu do giả tạo theo các quy định pháp luật hiện hành cùng các yếu tố tác động đến việc thực thi pháp luật về hợp đồng thương mại vô hiệu.

Trong khuôn khổ Chương 1, việc xem xét khái niệm, đặc điểm của hợp đồng thương mại vô hiệu do giả tạo là cơ sở cho việc phân tích các quy định của pháp luật thực định và sự cần thiết của việc điều chỉnh pháp luật về hợp đồng thương mại vô hiệu do giả tạo và các yếu tố tác động đến việc thực thi pháp luật về hợp đồng thương mại vô hiệu do giả tạo.

Từ khung lý thuyết tại Chương 1, trong Chương 2 tác giả nêu lên thực trạng các quy định pháp luật về hợp đồng thương mại vô hiệu do giả tạo ở Việt Nam đó là Pháp luật hiện hành chưa có một khái niệm rõ ràng, cụ thể về giao dịch dân sự, giao dịch dân sự được xác lập do giả tạo, Điều 116, 124 BLDS chỉ dừng lại ở việc liệt kê các hình thức của giao dịch dân sự, giao dịch dân sự được xác lập do giả tạo chứ chưa đưa ra một khái niệm pháp lý cụ thể quy định pháp luật về hợp đồng vô hiệu do giả tạo nói chung và hợp đồng thương mại vô hiệu do giả tạo nói riêng. Các quy định có phần còn hạn chế, chưa đầy đủ và có quy định còn mang tính cứng nhắc, chông chéo dẫn đến cách hiểu

không thống nhất. Chẳng hạn, các căn cứ để tuyên bố hợp đồng vô hiệu do giả tạo còn có nhiều điểm chưa rõ ràng; hậu quả pháp lý của hợp đồng vô hiệu do giả tạo còn quy định chung chung, khó áp dụng. Quyền lợi của các chủ thể tham gia quan hệ kinh doanh, thương mại không được đảm bảo thỏa đáng khi hợp đồng bị tuyên bố vô hiệu.

Bên cạnh đó, Về phía các cơ quan nhà nước, do tính chất phức tạp của các quan hệ hợp đồng thương mại, những quy định không rõ ràng của pháp luật đã tạo cho họ rất nhiều khó khăn, lúng túng trong công tác xét xử có liên quan tới hợp đồng thương mại vô hiệu do giả tạo. Chính điều đó làm hạn chế năng lực của các cơ quan chức năng trong việc giải quyết các tranh chấp về hợp đồng thương mại.

Tác giả xem xét đến thẩm quyền tuyên bố hợp đồng thương mại vô hiệu do giả tạo ở Việt Nam hiện nay, mặc dù giải quyết tranh chấp bằng phương thức trọng tài đã có từ khá lâu, nhưng trên thực tế vẫn còn nhiều cá nhân và doanh nghiệp chưa quan tâm đến cơ chế giải quyết tranh chấp bằng trọng tài cũng như sự hiện diện của Trung tâm trọng tài thương mại. Trọng tài thương mại không phải là điều quá mới mẻ những vẫn còn mờ nhạt và khá xa lạ trong vấn đề giải quyết tranh chấp ở môi trường kinh doanh của nước ta. Hiện nay, các nhà kinh doanh luôn tin tưởng vào phương thức giải quyết bằng Tòa án; đồng thời phương thức này luôn chiếm ưu thế chủ đạo khi trong quan hệ kinh tế có phát sinh tranh chấp mâu thuẫn. Tòa án là cơ quan xét xử nhân danh quyền lực của Nhà nước, được tiến hành theo trình tự, thủ tục nghiêm ngặt, chặt chẽ và bản án hay quyết định của Tòa án về vụ

việc tranh chấp nếu không có sự tự nguyện tuân thủ sẽ được đảm bảo thi hành bằng sức mạnh của nhà nước

Từ các thực trạng chung, luận văn tiếp tục nghiên cứu thực tiễn xét xử các tranh chấp về hợp đồng thương mại vô hiệu do giả tạo của Tòa án nhân dân hai cấp tỉnh Thừa thiên Huế giai đoạn 2015-2019 qua thực tiễn xét xử tại tòa án nhân dân hai cấp tỉnh Thừa Thiên Huế. Ngoài những mặt đã đạt được trong công tác cải cách tư pháp trong những năm qua, tác giả mạnh dạn chỉ ra những hạn chế, nguyên nhân của hạn chế trong việc giải quyết, xét xử các tranh chấp này tại Tòa án nhân dân hai cấp tỉnh Thừa Thiên Huế đó là các bất cập cơ sở vật chất, trình độ nhân lực, phương tiện làm việc, kinh phí hoạt động, chế độ chính sách đối với cán bộ tòa án được cấp như định mức đối với cơ quan hành chính sự nghiệp hàng năm nên chưa thực sự phù hợp với tính chất đặc thù của công tác xét xử, từ đó làm hạn chế đến hiệu quả công tác của ngành tòa án. Trong khi đó, những năm gần đây, số lượng các loại án về tranh chấp hợp đồng thương mại cũng như các loại án khác thuộc thẩm quyền giải quyết của tòa án liên tục gia tăng mạnh, làm cho công việc của các tòa án ngày càng quá tải. Điều kiện làm việc thiếu thốn, chế độ tiền lương, phụ cấp chưa thực sự đáp ứng được yêu cầu của công tác xét xử, không tương xứng với vị trí, vai trò và tính chất hoạt động quan trọng của cơ quan tòa án trong bộ máy Nhà nước khiến các cán bộ, tòa án trễ nải trong việc xét xử, thậm chí là cửa quyền, tiêu cực, gây không ít khó khăn cho công tác giải quyết án nói chung. Mặt khác, các thẩm phán của tòa án hai cấp tỉnh Thừa

Thiên Huế hiện nay còn đang thiếu chuyên nghiệp trong lĩnh vực này do chưa được đào tạo nhiều về nghiệp vụ giải quyết án tranh chấp kinh doanh thương mại. Các bất cập này phát sinh từ các nguyên nhân khách quan như trình độ hiểu biết pháp luật của người khởi kiện. Việc cung cấp chứng cứ của các đương sự trong tranh chấp thương mại vô hiệu do giả tạo, việc giả tạo nhằm che giấu sự thực, đánh lạc hướng cơ quan tòa án, dẫn đến nhiều phán quyết sai lầm của tòa án khiến cho vụ án không được đánh giá khách quan, gây mất niềm tin trong cộng đồng doanh nghiệp đối với phán quyết của tòa án. Hay trong giai đoạn chuẩn bị xét xử: Việc quy định về thời hạn giải quyết vụ án tranh chấp Hợp đồng thương mại cần khoảng thời gian là quá ngắn chưa phù hợp với thực tiễn giải quyết vụ án tranh chấp Hợp đồng thương mại, dẫn đến có rất nhiều vụ án kinh doanh thương mại quá thời hạn chuẩn bị xét xử. Cuối cùng, việc tuyên bố hợp đồng thương mại vô hiệu do giả tạo và hậu quả pháp lý vẫn là vấn đề phức tạp nhất mà tòa án nhân dân hai cấp tỉnh Thừa Thiên Huế đang gặp phải. Có không ít vụ án đã được xét xử nhiều lần, với nhiều cấp xét xử khác nhau (kể cả cấp xét xử cao nhất là Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao (TANDTC)) nhưng cũng vẫn còn những thắc mắc, vẫn có những quan điểm khác nhau, gây ra nhiều tranh luận phức tạp.

Trên cơ sở các yêu cầu của việc hoàn thiện các quy định về hợp đồng thương mại vô hiệu do giả tạo thì Chương 3 luận văn đề xuất các giải pháp nhằm hoàn thiện hệ thống pháp luật về hợp đồng vô hiệu như: nhất quán pháp luật về hợp đồng, định hướng sửa đổi một số vấn

đề trong Bộ luật dân sự của Việt Nam, hài hòa lợi ích trong nước và hội nhập quốc tế ngoài ra chương 3 còn dành khá nhiều dung lượng để đưa ra các giải pháp cụ thể cho quy định pháp luật về từng vấn đề xung quanh toàn bộ quy định pháp luật về hợp đồng thương mại vô hiệu do giả tạo như:

Đề xuất sửa đổi, bổ sung khái niệm về hợp đồng thương mại và hợp đồng thương mại vô hiệu. Cụ thể: Bổ sung khái niệm về Hợp đồng thương mại và hợp đồng thương mại vô hiệu vào Luật thương mại.

Bổ sung một số điều luật quy định về điều kiện có hiệu lực của hợp đồng thương mại vào Luật thương mại để luật cụ thể, rõ ràng, chặt chẽ hơn. Nên đưa vấn đề hợp đồng thương mại được xác lập do giả tạo để xem xét, hướng dẫn trong một văn bản cụ thể thay vì đặt trong khuôn khổ có hạn của một điều luật như hiện nay, sự cụ thể rõ ràng sẽ đem đến sự chặt chẽ của quy phạm pháp luật đồng thời để sửa đổi, bổ sung các luật cũng như đưa các sửa đổi, bổ sung đó vào thực tiễn đòi hỏi nhiều thời gian, công sức, chi phí.

Hạn chế việc liên tục dẫn chiếu đến các quy định ở các văn bản khác ngoài Luật thương mại về vấn đề có thể quy định gọn ngay trong văn bản luật. Ví dụ như không nên từ tranh chấp hợp đồng thương mại vô hiệu do giả tạo mà phải dẫn chiếu từ luật Thương mại sang Bộ luật Dân sự.

Đề xuất, kéo dài về thời hạn giải quyết vụ việc tranh chấp: Thời hạn giải quyết các tranh chấp thương mại được quy định tại Điều 203

Bộ luật tố tụng dân sự là quá ngắn, đối với các tranh chấp, yêu cầu tuyên bố hợp đồng thương mại vô hiệu do giả tạo trên thực tế rất phức tạp, cần nhiều thời gian xác minh, thu thập chứng nên thời hạn chuẩn bị xét xử tối đa là 03 tháng là không đủ. Do đó, cần có quy định riêng về việc gia hạn thời hạn giải quyết vụ việc tranh chấp hợp đồng thương mại không quá 04 tháng là phù hợp, đây là mức thời hạn thấp nhất theo quy định tố tụng đối với vụ án dân sự thông thường.

Bên cạnh đó, tác giả đề xuất giải pháp Hoàn thiện quy định về giải quyết hậu quả pháp lý của hợp đồng thương mại vô hiệu do giả tạo.

Hoàn thiện quy định về giải quyết hậu quả pháp lý của hợp đồng thương mại vô hiệu do giả tạo. Trước hết, về vấn đề tuyên bố hợp đồng thương mại vô hiệu: BLDS và Luật thương mại đều không xác định ai có quyền yêu cầu tuyên bố hợp đồng thương mại. Do đó, cần phải quy định cụ thể để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của các chủ thể liên quan.

Tiếp theo, về chế tài áp dụng với những hợp đồng thương mại xác lập do giả tạo còn chưa đủ tính răn đe nghiêm khắc, mới chỉ dừng lại ở việc tuyên bố là vô hiệu, buộc dừng lại và khôi phục hiện trạng ban đầu. Trong khi đó sự trốn tránh nghĩa vụ với người thứ ba, đặc biệt là với Nhà nước của nhiều cá nhân, tổ chức ngày càng tinh vi, phức tạp. Việc này khiến mục đích ngăn ngừa vi phạm không đạt được hiệu quả cao. Do đó, cần có các biện pháp chế tài kiên quyết, nghiêm khắc hơn đối với trường hợp nhằm trốn tránh nghĩa vụ với người thứ ba, đặc

biệt chủ thể đó nếu là nhà nước. Chỉ khi có chế tài nghiêm khắc mới tạo được tính răn đe, ngăn chặn các hành vi vi phạm pháp luật, cố tình xác lập giao dịch dân sự giả tạo vì mục đích riêng

Đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả thực hiện và xét xử

Thứ nhất, nâng cao trình độ, năng lực chuyên môn của những cán bộ tiến hành tố tụng

Các thẩm phán cần được tham dự các buổi tập huấn chuyên sâu cho từng lĩnh vực cụ thể do Tòa án các cấp tổ chức nhằm bồi dưỡng kiến thức về pháp luật, vận dụng pháp luật sao cho phù hợp với thực tế. Cần chú trọng học hỏi kiến thức về lĩnh vực kinh doanh thương mại trong nước cũng như quốc tế.

Mặt khác, không chỉ tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng mà còn bồi dưỡng lý luận chính trị cho các Thẩm phán, Thẩm tra viên, Thư ký tòa án, Hội thẩm nhân dân. Đồng thời, khuyến khích cán bộ công chức học ngoại ngữ, tin học để nâng cao năng lực, trình độ về mọi mặt.

Đối với Hội thẩm nhân dân thì trên thực tế tại Tòa án nhân dân hai cấp tỉnh Thừa Thiên Huế, cần xem xét, lựa chọn các Hội thẩm có trình độ cũng như chuyên môn, kinh nghiệm theo đó họ phải là các thương nhân, những người có kiến thức về lĩnh vực đang xảy ra tranh chấp vì họ sẽ là nguồn hỗ trợ đắc lực cho tòa án khi các thương nhân này thường xuyên phải tiếp xúc, va chạm thực tiễn đối với các tranh chấp thương mại nhằm đảm bảo chất lượng khi tham gia giải quyết các vụ án tranh chấp Hợp đồng thương mại này. Bên cạnh đó, cần

nâng cao mức thù lao cho các Hội thẩm nhân dân để động viên, khuyến khích tinh thần làm việc của họ tốt hơn.

Cần hoàn thiện chế độ tiền lương và chính sách đãi ngộ đối với các chức danh tư pháp. Cải cách hệ thống thang, bảng lương trên cơ sở xem xét tính chất, đặc thù lao động của cán bộ Tòa án, điều chỉnh bội số và các hệ số tiền lương trong các thang, bảng lương một cách phù hợp..

- Thứ hai, nâng cao chất lượng hoạt động xét xử án

Điều luật có thể thiếu linh hoạt, còn cứng nhắc mà thực tế lại phong phú, phức tạp nên chưa thể đáp ứng là đương nhiên, bởi việc sửa đổi, bổ sung luật rất phức tạp, qua nhiều quy trình, thủ tục, tốn kém thời gian và tiền bạc.

Để nâng cao chất lượng xét xử giải quyết các tranh chấp liên quan đến hợp đồng thương mại vô hiệu do giả tạo, Tòa án nhân các cấp cũng cần phải luôn coi trọng công tác tổng kết thực tiễn. Rút kinh nghiệm sâu sắc đối với các bản án, quyết định bị kháng cáo, kháng nghị do lỗi chủ quan để kịp thời sửa chữa, khắc phục sai lầm trong hoạt động xét xử.

Vấn đề tuyên truyền pháp luật về thương mại, hợp đồng thương mại tại đến các doanh nghiệp luôn đóng vai trò rất quan trọng, góp phần rất lớn trong việc giải quyết các vụ án nhanh chóng. Một khi công dân nói chung cũng như các chủ thể tham gia hoạt động kinh tế đã hiểu và nắm rõ pháp luật thì khi có tranh chấp họ sẽ dễ dàng lựa

chọn đúng phương thức, thẩm quyền và trình tự thủ tục tố tụng nếu lựa chọn con đường Tòa án.

Việc thiếu hiểu biết về pháp luật trong khi giao kết Hợp đồng trong hoạt động thương mại là một trong những nguyên nhân làm gia tăng các tranh chấp. Tuy việc gia tăng sản xuất trong kinh doanh không liên quan đến việc hiểu biết về pháp luật nhưng trong hoạt động kinh doanh, bất kỳ doanh nghiệp nào cũng sẽ giao kết các Hợp đồng nhằm trao đổi dịch vụ, hàng hóa, đáp ứng nhu cầu của doanh nghiệp trong hoạt động sản xuất. Chính vì vậy, khi am hiểu pháp luật sẽ tăng khả năng nhận thức và khả năng vận dụng pháp luật, tạo hành lang pháp lý an toàn cho doanh nghiệp, tổ chức ngày càng phát triển bền vững hơn từ đó san xẻ bớt gánh nặng của cơ quan tư pháp trong giải quyết tranh chấp kinh doanh thương mại.

Trong phạm vi luận văn này, tác giả đã tập trung phân tích làm rõ khái niệm, đặc điểm của Hợp đồng thương mại vô hiệu do giả tạo trên cơ sở đó nhằm thống nhất nhận thức các quy định của pháp luật về Hợp đồng thương mại vô hiệu do giả tạo. Luận văn cũng xác định rõ các trường hợp vô hiệu của hợp đồng không chỉ được quy định trong Bộ luật Dân sự 2015 mà còn được quy định trong các văn bản pháp luật chuyên ngành như Luật thương mại 2005, Luật Doanh nghiệp 2014, Luật kinh doanh bảo hiểm 2010, Luật xây dựng 2014....

Bên cạnh việc nghiên cứu các vấn đề lý luận về Hợp đồng thương mại vô hiệu do giả tạo. Trong luận văn này, tác giả cũng đi sâu tìm hiểu thực tiễn áp dụng các quy định pháp luật về Hợp đồng thương

mại vô hiệu do giả tạo của các nhà thực thi pháp luật và các chủ thể kinh doanh. Từ đó tìm ra các điểm hạn chế trong quy định của pháp luật về hợp đồng thương mại hiện nay, đó là: có quy định còn chung chung, chưa bao quát được các trường hợp hợp đồng vô hiệu, các quy định có phần cứng nhắc, có chỗ còn thiếu không theo kịp cuộc sống. Cụ thể là: Trong quy định cụ thể vẫn có những nội dung chưa thật sự hợp lý, chưa phù hợp với thực tiễn cuộc sống, chưa rõ ràng như trường hợp Hợp đồng thương mại vô hiệu do giả tạo, lừa dối, đe dọa hay vô hiệu do không thỏa mãn điều kiện về hình thức hợp đồng... Đường lối giải quyết hậu quả Hợp đồng thương mại vô hiệu do giả tạo còn cứng nhắc, chưa đảm bảo sự công bằng cho các đương sự. Do vậy, việc áp dụng pháp luật gặp rất nhiều khó khăn, thiếu chính xác. Các quy định về thời hiệu khởi kiện yêu cầu tuyên bố Hợp đồng thương mại vô hiệu do giả tạo chưa đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các bên chủ thể giao kết hợp đồng. Với thực trạng đó, các quy định về xử lý Hợp đồng thương mại vô hiệu do giả tạo cần phải được hoàn thiện để những quy định này mang tính khả thi hơn, phù hợp với thực tế và quan trọng hơn là tạo điều kiện để hợp đồng phát huy hết vai trò của mình trong nền kinh tế thị trường.

Kết quả nghiên cứu của luận văn góp phần làm rõ thêm về một số vấn đề pháp lý có liên quan tới điều kiện tuyên bố hợp đồng vô hiệu do giả tạo; Đồng thời đưa ra những kiến nghị đề xuất giải pháp giải quyết các bất cập của hợp đồng thương mại phù hợp với thực tế đời sống xã hội, qua đó nâng cao hiệu quả của Tòa án trong việc giải

quyết các tranh chấp thương mại có yếu tố giả tạo, góp đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các chủ thể tham gia giao kết hợp đồng thương mại đồng thời góp phần thúc đẩy sự phát triển kinh tế của tỉnh Thừa Thiên Huế

2. Khả năng ứng dụng thực tiễn

Luận văn có thể dùng làm tài liệu tham khảo có giá trị đối với các nhà hoạch định chính sách, xây dựng pháp luật đạt hiệu quả cao hơn; có thể dùng làm tài liệu tham khảo cho các học viên sau đại học chuyên ngành lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật.